

1

hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện tại anh chị đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Vì vậy, chị V yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị V và anh N có 01 người con chung tên Phan Trúc H, sinh ngày 20/7/2019. Hiện cháu đang sống với chị V. Khi ly hôn chị V yêu cầu được nuôi dạy cháu H, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị V có đơn xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Chị V và anh N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung là cháu H hiện chị V nuôi dạy nên cần giao cháu H cho chị V tiếp tục nuôi dạy. Anh N không trực tiếp nuôi con chung và chị V có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức quy định của pháp luật. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh N phải chịu án phí đối với N vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn N. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh N có địa chỉ tại ấp Sông Cái, xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo

quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 07/3/2022, chị V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/02/2019. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị V yêu cầu ly hôn với anh N. Xét thấy, yêu cầu của chị V là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh N vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Việc anh chị phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân là phù hợp với biên bản lấy lời khai của người làm chứng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn N được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Phan Trúc H, sinh ngày 20/7/2019 (giới tính nữ). Xét thấy, việc chị V yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu H là có căn cứ. Bởi vì, cháu Huỳnh đang do chị V nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh N biết yêu cầu của chị V nhưng anh N không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị V. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu H cho chị V nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, chị V yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là có cơ sở. Bởi vì, cháu H chưa đủ 18 tuổi và hiện chị V nuôi dạy, việc cấp dưỡng nuôi con là N vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được pháp luật quy định. Vì vậy, cần buộc anh N có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với mức cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản với số tiền 745.000 đồng/tháng (mức lương cơ bản hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng), kể từ khi án có hiệu lực đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[5] Về lỗi suất chậm thực hiện N vụ thi hành án: Anh N phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V xác định chị và anh N tự thỏa thuận về tài sản chung. Nợ chung là không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Phan Văn N phải chịu án phí đối với N vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn N.
2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn N được ly hôn.
3. Về con chung: Giao cháu Phan Trúc H, sinh ngày 20/7/2019 (giới tính nữ) cho chị Nguyễn Thị V tiếp tục nuôi dạy. Anh Phan Văn N có Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với số tiền 745.000 đồng/tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh N không trực tiếp nuôi dạy cháu H nhưng anh có quyền, N vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.
4. Về lỗi suất chậm thực hiện N vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của chị V, trường hợp anh N chậm thanh

toán khoản tiền cấp dưỡng thì anh N phải chịu tiền lãi theo định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 27 tháng 12 năm 2021 chị V có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0014654 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng: Anh Phan Văn N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Chị V, anh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Biển Bạch Đông;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm